

Số: 05/2023/QĐST-DS

G, ngày 15 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07/8/2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 70/2023/TLST- DS ngày 04/7/2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1960;

Ông Đặng Danh T, sinh năm 1957;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã NT, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Chu Thị Út Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Phòng 104 A6, tập thể ND, ND, Đống Đa, Hà Nội.

Bị đơn: Ông Vũ Xuân Nh, sinh năm 1959;

Bà Kim Thị N, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã NT, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Kim K, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Đ, xã NT, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau: Ông Vũ Xuân Nh và bà Kim Thị N có nghĩa vụ trả bà Vũ Thị H, ông Đặng Danh T số tiền là 587.000.000đ (*Năm trăm tám mươi bảy triệu đồng*).

Phân kỳ trả nợ như sau:

1. Ngày 31/12/2023, ông Vũ Xuân Nh, bà Kim Thị N trả ông Đặng Danh T, bà Vũ Thị H số tiền là 87 (*Tám mươi bảy*) triệu đồng.

2. Ngày 30/11/2024, ông Vũ Xuân Nh, bà Kim Thị N trả ông Đặng Danh T, bà Vũ Thị H số tiền là 170 (*Một trăm bảy mươi*) triệu đồng.

3. Ngày 30/11/2025, ông Vũ Xuân Nh, bà Kim Thị N trả ông Đặng Danh T, bà Vũ Thị H số tiền là 170 (*Một trăm bảy mươi*) triệu đồng.

4. Ngày 30/11/2026, ông Vũ Xuân Nh, bà Kim Thị N trả ông Đặng Danh T, bà Vũ Thị H số tiền là 160 (*Một trăm sáu mươi*) triệu đồng.

Nếu ông Vũ Xuân Nh và bà Kim Thị N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo lộ trình trả nợ nêu trên mà vi phạm một trong bất kỳ phân kỳ trả nợ thì bà Vũ Thị H và ông Đặng Danh T có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự thi hành quyết định này.

Sau khi ông Nh, bà N trả hết toàn bộ số tiền 587.000.000đ, ông T, bà H có nghĩa vụ trả ông Nh, bà N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Kim K cấp ngày 08/4/2004 đối với thửa đất số 178, tờ bản đồ số 40 tại thôn Đ, xã NT, huyện G.

Án phí: Ông Vũ Xuân Nh, bà Kim Thị N phải chịu 13.740.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông Nh, bà N là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí. Do vậy, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Xuân Nh và bà Kim Thị N.

Trả lại bà Vũ Thị H, ông Đặng Danh T số tiền 34.650.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007215 ngày 04/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án phải chịu một khoản tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS và THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Thị Minh Nguyệt